

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3499 /ĐHYD  
V/v khảo sát tình hình việc làm của  
sinh viên tốt nghiệp năm 2019

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo  
- Đại học Huế

Thực hiện công văn số 3943/BGDĐT-GDĐH ngày 31/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và công văn số 1836/ĐHH-ĐTCTSV ngày 19/11/2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc báo cáo về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế đã tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên hệ chính quy tốt nghiệp năm 2019. Nhà trường kính báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Huế một số kết quả khảo sát như sau:

## **1. Phương pháp và quy trình khảo sát**

### **1.1. Đối tượng khảo sát**

- Toàn bộ sinh viên hệ chính quy của tất cả 09 ngành đào tạo đã tốt nghiệp năm 2019 bao gồm: Y khoa, Răng hàm mặt, Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật xét nghiệm y học và Y tế công cộng.

- Cơ sở dữ liệu của tất cả sinh viên tốt nghiệp đều được lưu trữ tại Phòng Chính trị và Công tác Sinh viên (họ tên, tuổi, giới, ngành học, hộ khẩu thường trú, điện thoại, email ...)

### **1.2. Công cụ khảo sát**

Nhà trường xây dựng bộ câu hỏi khảo sát gồm các thông tin cá nhân (họ tên, tuổi, giới, ngành học, điện thoại, email ...), thông tin về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2019

### **1.3. Phương pháp thu thập thông tin**

- Lập danh sách cụ sinh viên có đầy đủ thông tin (họ tên, tuổi, giới, ngành học, hộ khẩu thường trú, điện thoại, email ...) được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu của Nhà trường.

- Gửi đường link khảo sát trực tuyến và bản hướng dẫn phản hồi đến cụ sinh viên qua địa chỉ email cá nhân. Đối với những cụ sinh viên không trả lời phiếu qua kênh khảo sát trực tuyến, Nhà trường thành lập một nhóm sinh viên tình nguyện để tiến hành phỏng vấn qua điện thoại. Trước khi tiến hành phỏng vấn, nhóm sinh viên tình nguyện được Nhà trường tập huấn kỹ lưỡng về kỹ năng phỏng vấn và phương pháp thu thập thông tin. Sau đó, sinh viên tình nguyện phỏng vấn từng cụ sinh viên trong danh sách mẫu qua điện thoại và điền thông tin vào phiếu khảo sát. Mỗi cụ sinh viên có 01 phiếu khảo sát.

**1.4. Xử lý số liệu:** Số liệu được nhập và xử lý bằng Microsoft Excel 2010 và SPSS 20.



## 2. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2019

### 2.1. Tỷ lệ sinh viên tham gia khảo sát

**Bảng 1. Số lượng sinh viên tham gia khảo sát**

Thông tin Ngành đào tạo	Số SV tốt nghiệp năm 2019 (1)	SLSV phản hồi (2)	SLSV không liên lạc được (3)	SLSV không đồng ý tham gia (4)	Tỷ lệ phản hồi $(\frac{2}{1-3})$
Y Đa khoa	844	613	136	95	87,0
Răng hàm mặt	99	56	35	8	87,0
Y học dự phòng	175	132	13	30	81,0
Y học cổ truyền	99	78	15	6	93,0
Dược học	136	107	10	19	85,0
Điều dưỡng	129	60	55	14	81,0
Kỹ thuật xét nghiệm y học	96	43	42	11	81,0
Kỹ thuật hình ảnh y học	46	28	11	7	80,0
Y tế công cộng	33	14	16	3	82,0
<b>Tổng cộng</b>	1657	1131	333	193	85,0

**Nhận xét:** Tỷ lệ sinh viên phản hồi là 85%.

### 2.2. Tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

**Bảng 2. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp**

Tình trạng việc làm Ngành đào tạo	Có việc làm (1)		Chưa có việc làm (2)		Đang học nâng cao nên chưa tìm việc làm (3)		Tỷ lệ SVTN có việc làm (1+3)	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Y khoa	513	83,7	18	2,9	82	13,4	595	97,1
Răng hàm mặt	42	75,0	0	0,0	14	25,0	56	100,0
Y học dự phòng	124	93,9	7	5,3	1	0,8	125	94,7
Y học cổ truyền	63	80,8	7	9,0	8	10,3	71	91,1
Dược học	97	90,7	8	7,5	2	1,9	99	92,6
Điều dưỡng	51	85,0	5	8,3	4	6,7	55	91,7
Kỹ thuật xét nghiệm y học	37	86,0	2	4,7	4	9,3	41	95,3
Kỹ thuật hình ảnh y học	27	96,4	1	3,6	0	0,0	27	96,4
Y tế công cộng	12	85,7	2	14,3	0	0,0	12	85,7
<b>Tổng cộng</b>	966	85,4	50	4,4	115	10,2	1081	95,6

**Nhận xét:** Hầu hết các ngành có tỷ lệ việc làm cao chiếm trên 90%. Một số ngành có tỷ lệ việc làm rất cao dao động từ 95-100% như Y khoa, Răng hàm mặt, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học.

### 2.3. Khu vực làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp

**Bảng 3. Phân bố khu vực làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

Khu vực làm việc Ngành đào tạo	Khu vực nhà nước		Khu vực tư nhân		Tự tạo việc làm		Có yếu tố nước ngoài	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Y khoa	440	85,8	71	13,8	2	0,4	0	0,0
Răng hàm mặt	16	38,1	26	61,9	0	0,0	0	0,0
Y học dự phòng	92	74,2	26	21,0	2	1,6	4	3,2
Y học cổ truyền	51	81,0	9	14,3	1	1,6	2	3,2
Dược học	20	20,6	57	58,8	0	0,0	20	20,6
Điều dưỡng	25	49,0	22	43,1	0	0,0	4	7,8
Kỹ thuật xét nghiệm y học	19	51,4	18	48,6	0	0,0	0	0,0
Kỹ thuật hình ảnh y học	9	33,3	18	66,7	0	0,0	0	0,0
Y tế công cộng	9	75,0	3	25,0	0	0,0	0	0,0
<b>Tổng cộng</b>	<b>681</b>	<b>70,5</b>	<b>250</b>	<b>25,9</b>	<b>5</b>	<b>0,5</b>	<b>30</b>	<b>3,1</b>

**Nhận xét:** Sinh viên làm việc trong khu vực Nhà nước chiếm hơn 70%. Các ngành có tỷ lệ làm việc ở khu vực tư nhân cao dao động từ gần 40%-60% bao gồm Răng hàm mặt, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật xét nghiệm y học. Riêng ngành Dược học có hơn 1/5 sinh viên tốt nghiệp làm việc trong các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài.

### 3. Khó khăn, kiến nghị trong quá trình khảo sát

#### 3.1. Khó khăn

Sau khi ra trường, nhiều sinh viên thay đổi thông tin liên lạc như số điện thoại và email nên việc kết nối và liên lạc với cựu sinh viên để thu thập thông tin phân-<sup>hội</sup> còn gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, Nhà trường đang tiến hành cập nhật bổ sung các thông tin cá nhân của cựu sinh viên thông qua đầu mối là Ban cán sự các lớp.

#### 3.2. Kiến nghị

- Do số lượng cựu sinh viên tốt nghiệp một số ngành khá lớn nên việc khảo sát toàn bộ sinh viên tốt nghiệp ra trường còn gặp khó khăn, Nhà trường đề xuất áp dụng phương pháp chọn mẫu tầng theo tỷ lệ gồm 2 giai đoạn để phục vụ công tác khảo sát:

- Giai đoạn 1: Phân tầng theo ngành đào tạo và theo hộ khẩu thường trú (tỉnh).
- Giai đoạn 2: Tiến hành chọn mẫu ngẫu nhiên theo tỷ lệ đối với từng ngành theo tỉnh

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám hiệu;
- Phòng TCHC, TT&PC, KT-BĐCLGD, ĐTDH;
- Lưu VT, CT&CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Hoàng Bùi Bảo